

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ASG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 61/2022/ASG

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2022

V/v: CBTT Biên bản họp và Nghị quyết
ĐHĐCĐ thường niên 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGD CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Mã chứng khoán: ASG

Địa chỉ trụ sở chính: Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn,
thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024. 3761 6688 Fax: 024. 3772 8668

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Dương Đức Tính

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG công bố thông tin Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG vào ngày 23/06/2022, tại đường dẫn: <http://asg.net.vn/vi/shareholders/co-dong/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ
thường niên năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Dương Đức Tính

Số: 01/2022/BB-ĐHĐCĐ/ASG

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2022

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Tên công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Địa chỉ trụ sở chính: Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 0104960269

Thời gian họp ĐHĐCĐ: 08h30 ngày 22/06/2022

Địa điểm họp ĐHĐCĐ: Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

PHẦN I
KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Khai mạc Đại hội:

Bà Nguyễn Thị Thắm thay mặt Ban tổ chức Đại hội tiến hành các thủ tục:

- Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội;
- Giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự Đại hội;

2. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông:

Ông Nguyễn Văn Thắng – Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông thay mặt Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo trước Đại hội về tư cách cổ đông tham gia Đại hội như sau:

- Tổng số cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG chốt tại ngày 25/05/2022 là 624 cổ đông (theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số V898/2022-ASG/VSD-ĐK ngày 27/05/2022 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam) sở hữu 75.653.891 cổ phần tương ứng 75.653.891 tổng số phiếu biểu quyết của Công ty (quy ước 1 cổ phần là 1 phiếu biểu quyết).

- Tổng số cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm 8h30 là 14 người, sở hữu và đại diện cho 58.867.107 cổ phần, tương đương 77,81% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG, số cổ đông có mặt và người được ủy quyền đại diện hợp lệ của cổ đông tại Đại hội sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty, ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đủ điều kiện tiến hành.

3. Thông qua Quy chế tổ chức của Đại hội:

Ông Trương Minh Hoàng – Phó Tổng Giám đốc Phụ trách thay mặt Ban tổ chức trình bày trước toàn thể Đại hội dự thảo Quy chế tổ chức tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG để Đại hội thảo luận và biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.867.107 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.867.107 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.867.107 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Quy chế tổ chức của Đại hội được thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

4. Đoàn Chủ tịch:

Bà Nguyễn Thị Thắm thay mặt Ban tổ chức Đại hội giới thiệu chủ tọa và Đoàn chủ tịch, gồm các Ông/Bà có tên sau:

- | | | |
|----------------------|-------------------|--------------|
| - Ông Dương Đức Tính | - Chủ tịch HĐQT | - Chủ tọa |
| - Bà Bùi Thị Lệ Hằng | - Thành viên HĐQT | - Thành viên |
| - Ông Lý Lâm Duy | - Thành viên HĐQT | - Thành viên |

5. Ban thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội:

5.1. Ban thư ký Đại hội:

Chủ tọa chỉ định Ban thư ký gồm các Ông/Bà có tên sau:

- Ông Nguyễn Minh Đạt - Trưởng ban
- Ông Lưu Việt Bắc - Thành viên

5.2. Ban kiểm phiếu:

Ông Dương Đức Tính thay mặt Đoàn Chủ tịch trình Đại hội thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu, gồm các Ông/Bà có tên sau:

- Ông Nguyễn Quang Đạt - Trưởng ban
- Bà Đặng Thị Phương Nga - Thành viên
- Bà Trần Thị Thu Hương - Thành viên

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.867.107 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.867.107 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.867.107 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Đại hội thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu của Đại hội với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

6. Thông qua chương trình nghị sự của Đại hội:

Ông Dương Đức Tính thay mặt Đoàn Chủ tịch trình Đại hội thông qua chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Tại thời điểm biểu quyết thông qua chương trình nghị sự của Đại hội, tổng số cổ đông và đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội là 17 người, sở hữu và đại diện cho 58.896.530 cổ phần, tương ứng 58.896.530 phiếu biểu quyết, chiếm 77,85% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.896.530 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.896.530 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.896.530 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- **Kết luận:** Đại hội đã thông qua chương trình nghị sự của Đại hội với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

PHẦN II.

TRÌNH BÀY NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH

1. Ông Dương Đức Tính – Chủ tịch HĐQT thay mặt các thành viên HĐQT trình bày trước toàn thể Đại hội nội dung Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (Báo cáo số 01/2022/BC-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022).
2. Ông Nguyễn Quang Đạt – Thành viên Ban kiểm soát thay mặt Ban kiểm soát trình bày trước toàn thể Đại hội nội dung Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (Báo cáo số 01/2022/BC-BKS/ASG ngày 31/05/2022).
3. Ông Trương Minh Hoàng – Phó Tổng Giám đốc phụ trách trình bày trước toàn thể Đại hội nội dung Tờ trình số 02/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021.
4. Bà Đặng Thị Phương Nga – Kế toán trưởng Công ty trình bày trước toàn thể Đại hội nội dung Tờ trình số 03/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
5. Ông Lý Lâm Duy – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty trình bày trước toàn thể Đại hội nội dung Tờ trình số 04/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.
6. Ông Lý Lâm Duy – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty trình bày trước toàn thể Đại hội nội dung Tờ trình số 05/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022.

7. Ông Dương Đức Tính – Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày trước toàn thể Đại hội nội dung Tờ trình số 06/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua kế hoạch SXKD năm 2022.
8. Ông Dương Đức Tính – Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày trước toàn thể Đại hội nội dung Tờ trình số 13/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 17/06/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty.
9. Ông Lý Lâm Duy – Thành viên Hội đồng quản trị trình bày trước toàn thể Đại hội nội dung Tờ trình số 09/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.
10. Ông Lý Lâm Duy – Thành viên Hội đồng quản trị trình bày trước toàn thể Đại hội nội dung Tờ trình số 10/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
11. Bà Bùi Thị Lệ Hằng – Thành viên Hội đồng quản trị trình bày trước toàn thể Đại hội nội dung Tờ trình số 11/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
12. Bà Bùi Thị Lệ Hằng- Thành viên Hội đồng quản trị trình bày trước toàn thể Đại hội nội dung Tờ trình số 08/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023
13. Bà Bùi Thị Lệ Hằng – Thành viên Hội đồng quản trị trình bày trước toàn thể Đại hội nội dung Tờ trình số 12/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 17/06/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua danh sách nhân sự tham gia bầu thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.

PHẦN III.

THẢO LUẬN VỀ NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH

Đại hội đã tiến hành thảo luận về nội dung các Báo cáo, Tờ trình của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông. Các câu hỏi của cổ đông đã được Đoàn Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc giải đáp đầy đủ và cổ đông không có ý kiến khác.

PHẦN IV.

BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH

VÀ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018 – 2023

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình Đại hội bằng hình thức sử dụng thẻ biểu quyết để biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

Việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu kín theo hướng dẫn tại thể lệ bầu cử đã được Đại hội thông qua.

Tại thời điểm biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình trình ĐHĐCĐ và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023, tổng số cổ đông và đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội là 19 người, sở hữu và đại diện cho 58.960.210 cổ phần, tương ứng 58.960.210 phiếu biểu quyết, chiếm 77,93% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

Kết quả biểu quyết tại Đại hội như sau:

1. Thông qua Báo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (Báo cáo số 01/2022/BC-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022).

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.960.210 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Đại hội đã thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (Báo cáo số 01/2022/BC-BKS/ASG ngày 31/05/2022).

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.960.210 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Đại hội đã thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

3. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 theo nội dung Tờ trình số 02/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.960.210 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Đại hội đã thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 theo nội dung Tờ trình số 02/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán theo nội dung Tờ trình số 03/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.960.210 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Đại hội đã thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán theo nội dung Tờ trình số 03/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 theo nội dung Tờ trình số 04/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.960.210 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Đại hội đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 theo nội dung Tờ trình số 04/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

6. Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 theo nội dung Tờ trình số 05/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2021 của Hội đồng quản trị.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.960.210 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Đại hội đã thông qua quyết toán thu lao HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả thu lao HĐQT, BKS năm 2022 theo nội dung Tờ trình số 05/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

7. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2022 theo nội dung Tờ trình số 06/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.960.210 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Đại hội đã thông qua kế hoạch SXKD năm 2022 theo nội dung Tờ trình số 06/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

8. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty theo nội dung Tờ trình số 13/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 17/06/2022 của Hội đồng quản trị.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.960.210 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Đại hội đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty theo nội dung Tờ trình số 13/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

9. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty theo nội dung Tờ trình số 09/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.960.210 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Đại hội đã thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty theo nội dung Tờ trình số 09/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

10. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo nội dung Tờ trình số 10/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.960.210 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.



AP

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Đại hội đã thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo nội dung Tờ trình số 10/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

11. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo nội dung Tờ trình số 11/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.960.210 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Đại hội đã thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo nội dung Tờ trình số 11/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

12. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 theo nội dung Tờ trình số 08/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.960.210 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Đại hội đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 theo nội dung Tờ trình số 08/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

13. Thông qua Danh sách nhân sự tham gia bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 theo Tờ trình số 12/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 17/06/2022 của Hội đồng quản trị.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.960.210 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Đại hội đã thông qua Danh sách nhân sự tham gia bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 theo Tờ trình số 12/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 17/06/2022 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

14. Tiến hành bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023.

- Thông qua thể lệ bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 58.960.210 phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 58.960.210 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Kết luận: Đại hội đã thông qua thể lệ bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Ban kiểm phiếu tiến hành các thủ tục để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023, kết quả kiểm phiếu bầu như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu
1	Bà Nguyễn Thị Lê Hằng	58.960.210

(Chi tiết tại Biên bản kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023)

Kết luận: Bà Nguyễn Thị Lê Hằng (CCCD số: 001165015723) được bầu làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 với số biểu quyết tán thành là 58.960.210 phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 bao gồm các thành viên:

1. Bà Nguyễn Thị Lê Hằng
2. Bà Trần Thị Nhung
3. Ông Nguyễn Quang Đạt

PHẦN V.

THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Toàn văn Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022 đã được thư ký cuộc họp đọc trước toàn thể các cổ đông tham dự Đại hội và được Đại hội biểu quyết

thông qua với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

DHDCĐ thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG được tổ chức thành công và bế mạc hồi 11h55 cùng ngày./.

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Đạt

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOA - CHỦ TỊCH HĐQT**



Dương Đức Tính



Số: 01/2022/NQ - ĐHĐCD/ASG

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ASG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCD thường niên năm 2022 số 01/2022/BB-ĐHĐCD/ASG ngày 22/06/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị kèm theo Tờ trình số 01/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022.

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát kèm theo Tờ trình số 01/2022/TTr-BKS/ASG ngày 31/05/2022.

Điều 3: Thông qua Tờ trình số 02/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021.

Điều 4: Thông qua Tờ trình số 03/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Điều 5: Thông qua Tờ trình số 04/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.

Điều 6: Thông qua Tờ trình số 05/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022.

Điều 7: Thông qua Tờ trình số 06/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Điều 8: Thông qua Tờ trình số 13/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 17/06/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ.



Điều 9: Thông qua Tờ trình số 09/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua nội dung sửa đổi điều lệ Công ty.

Điều 10: Thông qua Tờ trình số 10/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 11: Thông qua Tờ trình số 11/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 12: Thông qua Tờ trình số 08/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Điều 13: Thông qua Tờ trình số 12/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 17/06/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua danh sách nhân sự tham gia bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Điều 14: Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023

Bà Nguyễn Thị Lê Hằng được bầu là thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Điều 15: Nghị quyết này đã được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp và có hiệu lực kể từ ngày 22/06/2022. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS;
- BTGD;
- Lưu TK HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Dương Đức Tính

Số: 01/2022/TT-HĐQT/ASG

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-HĐQT/ASG ngày 04/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên,

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

(Báo cáo số 01/2022/BC-HĐQT/ASG của Hội đồng quản trị ngày 31/05/2022, đính kèm)

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS;
- Lưu TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Đức Tính

[Handwritten signature]

Số: 01/2022/BC-HĐQT/ASG

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-HĐQT/ASG ngày 04/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC số 250322.041/BCTC.FIS1 ngày 25/03/2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC số 250322.042/BCTC.FIS1 ngày 25/03/2022,

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG (“ASG”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2022 thông qua toàn văn Báo cáo hoạt động của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022, cụ thể như sau:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:

1. Thành viên Hội đồng quản trị và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 và trong năm 2021 gồm có 5 thành viên:

SIT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Dương Đức Tính	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Phạm Văn Hà	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Bà Bùi Thị Lệ Hằng	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Lý Lâm Duy	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành
5	Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

2. Các phiên họp/lấy ý kiến bằng văn bản của Hội đồng quản trị:



Handwritten signatures and initials at the bottom right corner.

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 (tám) cuộc họp trực tiếp và 15 (mười lăm) lần xin ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để xem xét và thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Đã có 23 (hai mươi ba) Nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành để triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các công việc phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

a. Tỷ lệ tham gia các cuộc họp & lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Dương Đức Tính	23/23	100%	
2	Ông Phạm Văn Hà	23/23	100%	
3	Bà Bùi Thị Lệ Hằng	23/23	100%	
4	Ông Lý Lâm Duy	23/23	100%	
5	Bà Trần Thị Bích Ngọc	23/23	100%	

b. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2021: Tại phụ lục 01 đính kèm.

c. Đánh giá chung hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị:

- Năm 2021, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên đã thực hiện nhiệm vụ được giao với trách nhiệm cao. Các thành viên đã tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, cho ý kiến đối với các nội dung họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản; hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm theo pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
- Các phiên họp Hội đồng quản trị đều được triệu tập đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị được xem xét và biểu quyết theo nguyên tắc đa số và được ban hành dưới các hình thức văn bản nghị quyết, quyết định. Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị đều được thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.
- Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được Ban Tổng Giám đốc và các Ban/đơn vị của Công ty triển khai thực hiện đầy đủ, tích cực và cơ bản đạt được những mục tiêu Hội đồng quản trị Công ty đề ra.

3. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:

2

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác cho thành viên Hội đồng trị như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số tiền
1	Ông Dương Đức Tính	Chủ tịch HĐQT	1.222.545.612
2	Ông Phạm Văn Hà	Thành viên HĐQT	259.016.667
3	Bà Bùi Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	120.000.000
4	Ông Lý Lâm Duy	Thành viên HĐQT	120.000.000
5	Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	120.000.000

4. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty năm 2021 có 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị (Bà Trần Thị Bích Ngọc), đảm bảo tỷ lệ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được ĐHCĐ giao phó; tham gia đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề cần sự quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công công việc của Hội đồng quản trị.

Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021, thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhận thấy:

- Hội đồng quản trị của Công ty trong năm 2021 đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò của mình và đã đề xuất nhiều giải pháp, đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời và minh bạch trong công tác quản trị; tuân thủ đầy đủ các quy định đối với công ty đại chúng.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, bất thường; tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua các vấn đề theo thẩm quyền; thường xuyên chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và ĐHCĐ.
- Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty đã hết sức nỗ lực trong việc đề xuất và triển khai những cam kết, chính sách có lợi nhất cho Công ty và tìm kiếm những giải pháp điều hành phù hợp, hiệu quả trong tình hình diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế - xã hội năm 2021.

5. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

3

- Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban kiểm soát trong việc quản trị và kiểm soát hoạt động của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp bảo đảm hoạt động kinh doanh của Công ty minh bạch, tuân thủ đúng quy định của Nhà nước và quy định nội bộ của Công ty.
- Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban kiểm soát để thường xuyên giám sát các hoạt động của Công ty nhằm hạn chế các sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- Ban kiểm soát thường xuyên cử thành viên tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để kịp thời có những ý kiến đối với công tác quản lý điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Các yêu cầu của Ban kiểm soát về việc cung cấp thông tin liên quan đến công tác quản lý, hoạt động kinh doanh đều được đáp ứng đầy đủ.

6. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản trị, điều hành đối với Ban Tổng Giám đốc:

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, Hội đồng quản trị đã đẩy mạnh và thực hiện tốt công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, triển khai đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị luôn chú trọng công tác quản trị rủi ro, chuẩn hóa các quy chế quản trị, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi trong hoạt động của Công ty.

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý, giám sát đối với hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng và đầy đủ các công việc trong phạm vi quyền hạn được giao, cụ thể:

- Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý theo đúng trình tự và quy định nội bộ của Công ty;
- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị. Kịp thời xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Ban Tổng Giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã chủ động, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời ban hành kịp thời các văn bản, tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc thường xuyên tham vấn ý kiến của Hội đồng quản trị trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các buổi họp định kỳ/đợt xuất.

7. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	CHỈ TIÊU	KH 2021	TH 2021	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	882.897.974	753.819.108	85,4%
	<i>Trong đó:</i> <i>Tổng doanh thu Công ty mẹ</i>	312.473.972	319.868.491	102,4%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	85.499.121	59.445.753	69,5%
	<i>Trong đó:</i> <i>Tổng lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ</i>	86.070.235	73.704.753	85,6%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	61.083.957	34.944.462	57,2%
	<i>Trong đó:</i> <i>Tổng lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ</i>	82.818.422	73.704.753	89,0%
4	Vốn điều lệ	756.539.560	756.538.910	100,0%
5	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	15%	-	-

8. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của Công ty: Chi tiết tại Phụ lục 02 và Phụ lục 03 kèm theo báo cáo này

9. Báo cáo về việc thực hiện các nội dung được ĐHCĐ ủy quyền:

Năm 2021, Hội đồng quản trị đã thực hiện một số công việc theo ủy quyền của ĐHCĐ như sau:

- Ngày 08/07/2021 đã hoàn thành việc phát hành 12.608.992 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 (tương ứng 20% vốn điều lệ) theo nội dung Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHCĐ/ASG ngày 27/04/2021 của ĐHCĐ thường niên năm 2021.
- Lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính trong 03 năm 2021 – 2023.

II. Phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2022:

❖ Về công tác tổ chức và quản trị nội bộ:

- Xây dựng và hoàn thiện bộ máy và cơ chế quản trị các Công ty con trong hệ thống để thực hiện hiệu quả vai trò định hướng, quản lý và giám sát của Công ty mẹ thông qua:

5

- Xây dựng cơ chế quản trị Công ty con trên 4 lĩnh vực: Chiến lược, tài chính, đầu tư và nhân sự cấp cao;
 - Chỉ đạo và hỗ trợ tích cực các hoạt động của các công ty con, đảm bảo hiệu quả quản lý, điều hành của hệ thống Công ty;
 - Phối hợp với Ban kiểm soát, chỉ đạo Ban kiểm toán nội bộ và Người đại diện quản lý vốn thực hiện các công tác giám sát, kiểm tra hoạt động, quản lý rủi ro thường xuyên tại các công ty con.
- Nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ tốt nhất để đảm bảo khai thác nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn, và thu hút nguồn vốn đầu tư vào Công ty.
 - Nâng cao ý thức cho người lao động về tinh thần tự thực hiện/tự giác cải tiến và tối ưu hóa là tiêu chí xuyên suốt trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Tạo môi trường làm việc thân thiện, xây dựng văn hóa doanh nghiệp nhân văn, mang bản sắc riêng và có kế thừa các giá trị truyền thống.
 - Thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng và minh bạch trong quản lý điều hành gắn liền trách nhiệm với quyền lợi.
 - Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế. Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- ❖ **Về hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư:**
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp như kiểm soát chặt chẽ chi phí, nâng cao năng suất lao động nhằm đón đầu sự phục hồi của nền kinh tế Việt Nam và thế giới sau đại dịch Covid-19. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực và nỗ lực cao nhất hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2022;
 - Nghiên cứu và thực hiện các dự án đầu tư, tạo nguồn đầu tư phát triển trung, dài hạn;
 - Tích cực hỗ trợ và giám sát hoạt động SXKD của các công ty thành viên. Tăng cường sự kết nối, chia sẻ và hợp lực giữa các công ty thành viên để nâng cao năng lực cạnh tranh và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.
- ❖ **Về hoạt động tài chính:**
- Đảm bảo năng lực tài chính vững mạnh, an toàn; nghiên cứu và áp dụng các công cụ quản trị rủi ro tài chính;
 - Tăng cường năng lực tài chính của Công ty mẹ để thực hiện tốt chức năng huy động vốn và đầu tư vốn vào các công ty con;

- Thực hiện các biện pháp huy động vốn để đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty; trong đó, Công ty sẽ thực hiện phát hành gói trái phiếu trị giá 300 tỷ đồng trong năm 2022 để huy động vốn phục vụ cho kế hoạch đầu tư trung, dài hạn.

Trên đây là báo cáo của HĐQT tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022, chúng tôi mong nhận được ý kiến tham gia góp ý của các quý vị cổ đông giúp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đạt được kết quả tốt hơn.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Đức Tính

12/7 2021

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ASG
(Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/NQ-HDQT/ASG	26/01/2021	Miễn nhiệm Phó Giám đốc phụ trách và bổ nhiệm Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG – Chi nhánh Bắc Ninh	100 %
2	02/2021/NQ-HDQT/ASG	01/03/2021	Thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty, bổ nhiệm Phó trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và sửa đổi, bổ sung Quy chế tiền lương và các chế độ khác chi trả cho người lao động	100 %
3	03/2021/NQ-HDQT/ASG	01/03/2021	Thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội; Chấm dứt hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG – Chi nhánh Thái Nguyên; Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ logistics tại Bắc Ninh	100 %
4	04/2021/NQ-HDQT/ASG	08/03/2021	Tổ chức DHDCCD thường niên năm 2021 và chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp DHDCCD thường niên	100 %
5	05/2021/NQ-HDQT/ASG	18/03/2021	Phê duyệt chủ trương chuyển quyền sở hữu cổ phiếu CIA sang Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG để tăng vốn điều lệ; sửa đổi điều lệ Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG và thay đổi người đại diện theo ủy quyền quản lý vốn góp tại Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG	100 %
6	06/2021/NQ-HDQT/ASG	26/03/2021	Phê duyệt chủ trương vay vốn từ Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG	100 %
7	07/2021/NQ-HDQT/ASG	31/03/2021	Thông qua việc triệu tập và các nội dung trình DHDCCD thường niên năm 2021	100 %
8	08/2021/NQ-HDQT/ASG	15/04/2021	Chuyển cổ phiếu ASG đang nắm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh sang giao dịch tạm thời tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và thay đổi Người phụ trách quản trị Công ty	100 %

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
9	09/2021/NQ-HDQT/ASG	18/04/2021	Thông qua ý kiến biểu quyết của Người đại diện quản lý vốn tại DHDCCD Công ty Cổ phần Dịch vụ sân bay quốc tế Cam Ranh, Công ty cổ phần Logistics ASG	100 %
10	10/2021/NQ-HDQT/ASG	06/05/2021	Triển khai nghị quyết của DHDCCD thường niên năm 2021; Giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị; Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin; Điều chỉnh lương đối với Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc phụ trách và các cán bộ quản lý	100 %
11	11/2021/NQ-HDQT/ASG	20/05/2021	Miễn nhiệm Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG – Chi nhánh Thái Nguyên	100 %
12	12/2021/NQ-HDQT/ASG	24/05/2021	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng thực hiện gói thầu "Cung cấp, thi công hệ thống kệ để pallet"	100 %
13	13/2021/NQ-HDQT/ASG	08/06/2021	Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức năm 2020	100 %
14	14/2021/NQ-HDQT/ASG	18/06/2021	Thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty ASGA, chuyển quyền sở hữu cổ phiếu CIA sang Công ty ASGA để tăng vốn điều lệ; phê duyệt cho Công ty ASGA mua phần vốn góp tại doanh nghiệp khác và thông qua nội dung vay vốn từ doanh nghiệp khác	100 %
15	15/2021/NQ-HDQT/ASG	24/06/2021	Chức danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020 bằng cổ phần	100 %
16	16/2021/NQ-HDQT/ASG	30/06/2021	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 03 năm (2021 – 2023) của Công ty; Chuyển lợi nhuận năm 2020 từ Công ty ASGI về Công ty mẹ; Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ, Quy trình kiểm toán nội bộ và phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2021 tại Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG; Phê duyệt chủ trương thay đổi bộ nhận diện thương hiệu của Công ty	100 %

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	17/2021/NQ-HDQT/ASG	14/07/2021	Phê duyệt giao dịch với các bên có liên quan; Thông qua kết quả phát hành cổ phần để trả cổ tức năm 2020; Đăng ký thay đổi vốn điều lệ và thực hiện sửa đổi điều lệ Công ty; Đăng ký bổ sung cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam; Đăng ký niêm yết và giao dịch chứng khoán bổ sung tại Sở GDCK Hà Nội	100 %
18	18/2021/NQ-HDQT/ASG	20/07/2021	Bổ nhiệm Trưởng Ban Quản trị	100 %
19	19/2021/NQ-HDQT/ASG	11/08/2021	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG – Chi nhánh Bắc Ninh	100 %
20	20/2021/NQ-HDQT/ASG	25/08/2021	Thông qua ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu niêm yết bổ sung Thay đổi người đại diện theo ủy quyền quản lý vốn góp tại Công ty ASGI	100 %
21	21/2021/NQ-HDQT/ASG	17/09/2021	Phê duyệt phương án vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	100 %
22	22/2021/NQ-HDQT/ASG	05/10/2021	Thông qua nội dung xin ý kiến của Người đại diện QL.V tại Công ty ASGL và phê duyệt chủ trương ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty ASGL	100 %
23	23/2021/NQ-HDQT/ASG	18/11/2021	Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2021 tại Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển khu công nghiệp ASG	100 %

PHỤ LỤC 02

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY, CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY ĐẠI CHỨNG NĂM QUYỀN KÈM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỚI ĐIỀU LỆ VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN BỎ; GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIẠN 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH

(Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số GCNĐKDN, CMND/CCCD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Loại giao dịch
1	Công ty cổ phần Logistics ASG	Công ty con	4601126886 cấp lần đầu ngày 18/04/2013 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên cấp	Lô số 5-Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đông Tiến, Thị xã Phú Yên, tỉnh Thái Nguyên	1) Bán dịch vụ logistics 2) Mua dịch vụ logistics 3) Cho thuê kho, bãi, văn phòng
2	Công ty TNHH Hà tăng và Phát triển Khu công nghiệp ASG	Công ty con	4601543128 cấp lần đầu ngày 09/08/2019 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên cấp	Lô số 5, Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đông Tiến, Thị xã Phú Yên, tỉnh Thái Nguyên	Vay vốn
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG	Công ty con	0109240049 cấp lần đầu ngày 24/06/2020 do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội cấp	Khu dịch vụ Logistics, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội	1) Góp vốn 2) Cho thuê văn phòng

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số GCNĐKDN, CMND/CCCD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Loại giao dịch
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn	Công ty con	0107372515 cấp lần đầu ngày 25/03/2016 do Sở KH&ĐT TP. Hồ Chí Minh cấp	Khu dịch vụ Logistics, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội	Cho thuê văn phòng
5	Công ty Cổ phần Giao nhận A Plus	Công ty con	0108486628 cấp ngày 25/10/2018 do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội cấp	Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	1) Mua dịch vụ logistics 2) Cho thuê văn phòng
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ ASGU	Công ty con	4601528585 cấp ngày 30/11/2018 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên cấp	Lô số 5 - KCN Yên Bình, phường Đông Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	1) Mua dịch vụ logistics 2) Cho thuê kho, bãi
7	Công ty TNHH Vận tải ASG	Công ty con	4601547193 cấp lần đầu ngày 29 tháng 10 năm 2019 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên cấp	Lô số 5 - KCN Yên Bình, phường Đông Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	1) Mua dịch vụ logistics 2) Cho thuê văn phòng

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số GCNBDKN, CMND/CCCD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Loại giao dịch
8	Công ty Cổ phần A.L.S Đông Hà Nội	Tổ chức có liên quan đến bà Bùi Thị Lệ Hồng - Thành viên HDQT	2300753985 cấp ngày 01/10/2012 do Sở KHĐT tỉnh Bắc Ninh cấp	Số 10, Đường 5, VSIP Bắc Ninh, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	1) Bán dịch vụ logistics 2) Mua dịch vụ logistics
9	Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hoá A.L.S	Tổ chức có liên quan đến bà Bùi Thị Lệ Hồng - Thành viên HDQT	0106232917 cấp ngày 17/07/2013 do Sở KHĐT TP. Hà Nội cấp	Tầng 4, Ga hàng hóa A.L.S, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	1) Bán dịch vụ logistics 2) Mua dịch vụ logistics



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ASG**

Số: 01/2022/TTr-BKS/ASG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-HĐQT/ASG ngày 04/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên,

Ban kiểm soát (BKS) Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.

(Báo cáo số 01/2022/BC-BKS/ASG ngày 31/05/2022 của Ban kiểm soát, đính kèm)

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Phạm Xuân Phương



Số: 01/2022/BC-BKS/ASG

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-HĐQT/ASG ngày 04/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ thường niên;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC số 250322.041/BCTC.FIS1 ngày 25/03/2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC số 250322.042/BCTC.FIS1 ngày 25/03/2022,

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty và kiến nghị những nội dung như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên Ban kiểm soát năm 2021

Ban kiểm soát Công ty gồm có 3 thành viên và có sự thay đổi cụ thể như sau:

- | | | |
|------------------------|----------------------------|---------------------------|
| - Ông Phạm Xuân Phương | - Trưởng ban Ban kiểm soát | |
| - Bà Hoàng Thị Thành | - Thành viên Ban kiểm soát | (Từ nhiệm ngày 26/4/2021) |
| - Bà Trần Thị Nhung | - Thành viên Ban kiểm soát | |
| - Ông Nguyễn Quang Đạt | - Thành viên Ban kiểm soát | (Được bầu ngày 26/4/2021) |

Thành viên Ban kiểm soát hiện nay gồm:

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| - Ông Phạm Xuân Phương | - Trưởng ban Ban kiểm soát |
| - Bà Trần Thị Nhung | - Thành viên Ban kiểm soát |
| - Ông Nguyễn Quang Đạt | - Thành viên Ban kiểm soát |



Handwritten signature and date

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên trong năm 2021

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tổ chức thực hiện 03 cuộc họp và cử thành viên tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT của Công ty. Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế của Công ty trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành, cụ thể như sau:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2021 theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty trong năm với vai trò độc lập.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
- Kiểm tra, rà soát, sửa đổi các Quy chế, quy trình nội bộ đã ban hành phù hợp với quy định của Pháp luật.
- Cập nhật các quy định của Pháp luật và gửi ý kiến đề nghị tới HĐQT, Ban Tổng Giám đốc để sửa đổi các quy định trong Công ty nhằm tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định và công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

3. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát năm 2021:

Trên cơ sở phê duyệt của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/ASG ngày 26/04/2021 việc chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác cho các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện trong năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số tiền
1	Ông Phạm Xuân Phương	Trưởng Ban kiểm soát	120.000.000
2	Bà Trần Thị Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	84.000.000
3	Bà Hoàng Thị Thành	Thành viên Ban kiểm soát	28.000.000



2

4	Ông Nguyễn Quang Đạt	Thành viên Ban kiểm soát	56.000.000
---	----------------------	--------------------------	------------

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA GIÁM SÁT, THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

1. Đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Ban kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	KH 2021	TH 2021	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	882.897.974	753.819.108	85,4%
	<i>Trong đó:</i> <i>Tổng doanh thu Công ty mẹ</i>	312.473.972	319.868.491	102,4%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	85.499.121	59.445.753	69,5%
	<i>Trong đó:</i> <i>Tổng lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ</i>	86.070.235	73.704.753	85,6%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	61.083.957	34.944.462	57,2%
	<i>Trong đó:</i> <i>Tổng lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ</i>	82.818.422	73.704.753	89,0%
4	Vốn điều lệ	756.539.560	756.538.910	100,0%
5	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	15%	-	-

Các số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu. Qua đây có thể thấy, trong năm 2021 mặc dù tình hình kinh tế thế giới nói chung và trong nước nói riêng còn gặp nhiều khó khăn do hệ lụy kéo dài của dịch Covid-19, tuy nhiên, HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty đã đưa ra các giải pháp đúng đắn, kịp thời để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính vào ngân sách Nhà nước.

2. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính và công tác kế toán

Qua thẩm tra các Báo cáo tài chính năm 2021 và công tác kế toán của Công ty, Ban kiểm soát có đánh giá như sau:

trang 3

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được lập đầy đủ, kịp thời. Báo cáo tài chính của công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam, cũng như tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến việc trình bày và lập Báo cáo tài chính.
 - Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế rõ ràng, minh bạch tuân thủ các chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành;
 - Ban kiểm soát không có bất cứ sự phản đối nào về các số liệu đã được thể hiện trong Báo cáo tài chính năm 2021.
 - Các chỉ tiêu chính thể hiện trong Báo cáo tài chính năm 2021, cụ thể như sau:
- ❖ **Báo cáo tài chính của Công ty mẹ:**

Đơn vị tính: 1000đ

STT	Chỉ tiêu	Số liệu
1	Tổng tài sản	1.522.625.990
2	Vốn chủ sở hữu	1.024.041.537
3	Tổng doanh thu	319.868.491
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	73.704.753
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	73.704.753

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính riêng năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán)

❖ **Báo cáo tài chính hợp nhất:**

Đơn vị tính: 1000đ

STT	Chỉ tiêu	Số liệu
1	Tổng tài sản	2.140.068.444
2	Vốn chủ sở hữu	1.380.881.295
3	Tổng doanh thu	753.819.108
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	59.445.753
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	34.944.462

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán)

3. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý điều hành Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua. Năm 2021, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ khiếu nại nào của cổ đông và người lao động về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong năm 2021, cụ thể như sau:

- **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- + Hội đồng quản trị đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý điều hành Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2021.
- + Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- + Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã ban hành 23 Nghị quyết để thống qua các vấn đề thuộc thẩm quyền và triển khai các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua nhằm chỉ đạo, hỗ trợ thực hiện và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với chức năng, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đáp ứng kịp thời, hợp lý, tháo gỡ những khó khăn trong quá trình sản xuất, kinh doanh của Công ty, bảo vệ được quyền lợi của cổ đông cũng như thực hiện tốt chế độ chính sách với người lao động;
- + Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;

- **Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:**

- + Ban Tổng giám đốc đã triển khai, chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.
- + Ban Tổng giám đốc đã làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị;

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được đánh giá là hiệu quả, đảm bảo tính độc lập và thường xuyên liên tục, cụ thể:

- Ban kiểm soát được tạo điều kiện thuận lợi khi thực hiện nhiệm vụ giám sát; Các Phòng/Ban nghiệp vụ của Công ty đã cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu, và cử cán bộ làm việc với Ban kiểm soát khi có yêu cầu;
- Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc các vấn đề liên quan đến quản trị, điều hành.
- Ban kiểm soát đã thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban kiểm soát, kế hoạch giám sát để có thể phối hợp làm việc hiệu quả.
- Ban kiểm soát xem xét kết quả kiểm soát nội bộ, báo cáo kiểm toán đồng thời đưa ra những ý kiến, kiến nghị để hoàn thiện. Các ý kiến của Ban kiểm soát đều được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc ghi nhận trong quá trình thực hiện trên thực tế.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của Công ty:

- Các giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của Công ty trong năm 2021 đều được phê duyệt theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.
- Các giao dịch không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

III. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NĂM 2022

Để thực hiện công tác kiểm soát có hiệu quả và đảm bảo tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế Công ty, BKS xây dựng kế hoạch làm việc năm 2022 như sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy BKS làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của BKS.
- Thực hiện các công việc thường xuyên:
 - + Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.
 - + Giám sát quá trình thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - + Giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.



2022/6

10

- + Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- + Thẩm định báo cáo tài chính của Công ty. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty. Giám sát việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.
- + Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trên đây là nội dung báo cáo về hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Ban kiểm soát, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS; HĐQT;
- Lưu BKS,

TM.BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Phạm Xuân Phương



Handwritten marks and signatures at the bottom right corner.

Số: 02/2022/TTr-HĐQT/ASG

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-HĐQT/ASG ngày 04/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC số 250322.041/BCTC.FIS1 ngày 25/03/2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC số 250322.042/BCTC.FIS1 ngày 25/03/2022,

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	CHỈ TIÊU	KH 2021	TH 2021	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	882.897.974	753.819.108	85,4%
	<i>Trong đó:</i> <i>Tổng doanh thu Công ty mẹ</i>	312.473.972	319.868.491	102,4%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	85.499.121	59.445.753	69,5%
	<i>Trong đó:</i> <i>Tổng lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ</i>	86.070.235	73.704.753	85,6%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	61.083.957	34.944.462	57,2%
	<i>Trong đó:</i> <i>Tổng lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ</i>	82.818.422	73.704.753	89,0%



Handwritten signatures and initials.

4	Vốn điều lệ	756.539.560	756.538.910	100,0%
5	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	15%	-	-

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Dương Đức Tỉnh



Số: 03/2022/TT- HĐQT/ASG

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-HĐQT/ASG ngày 04/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC số 250322.041/BCTC.FIS1 ngày 25/03/2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC số 250322.042/BCTC.FIS1 ngày 25/03/2022,

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập đầy đủ, kịp thời và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC theo đúng quy định. Kết quả kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập và thẩm định của Ban kiểm soát cũng cho thấy, Báo cáo tài chính của công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam, cũng như tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính của Công ty được chấp thuận toàn phần. Các chỉ tiêu chính của Báo cáo tài chính như sau:

1. Báo cáo tài chính Công ty mẹ:

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	Chỉ tiêu	Số liệu
1	Tổng tài sản	1.522.625.990
2	Vốn chủ sở hữu	1.024.041.537
3	Tổng doanh thu	319.868.491

Handwritten signatures and initials.

4	Tổng lợi nhuận trước thuế	73.704.753
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	73.704.753

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính riêng năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán)

2. Báo cáo tài chính hợp nhất:

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	Chỉ tiêu	Số liệu
1	Tổng tài sản	2.140.068.444
2	Vốn chủ sở hữu	1.380.881.295
3	Tổng doanh thu	753.819.108
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	59.445.753
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	34.944.462

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHQĐ xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS;
- Lưu TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Đức Tinh



lưu 2

Số: 04/2022/TT-HĐQT/ASG

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-HĐQT/ASG ngày 04/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC số 250322.041/BCTC.FIS1 ngày 25/03/2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC số 250322.042/BCTC.FIS1 ngày 25/03/2022,

Năm 2022, Công ty có nhu cầu lớn về nguồn vốn đầu tư vào Công ty con và thực hiện các dự án, do vậy Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG kính đề nghị ĐHĐCĐ không chia cổ tức năm 2021 và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (VNĐ)	Ghi chú
1	Lợi nhuận các năm trước còn lại chưa phân phối	125.624.438.820	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	73.704.752.983	
3	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021	737.000.000	
3.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	737.000.000	Tương đương 1% LNST năm 2021

3.2	Chi cổ tức năm 2021	0	
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	198.592.191.803	

2. Tổ chức thực hiện:

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: Công ty sẽ trích lập quỹ sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS;
- Lưu TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đương Đức Tính



Số: 05/2022/TTr-HĐQT/ASG

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Phê duyệt quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2021
và kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/ASG ngày 26/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ thực tế chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021;

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

Hội đồng quản trị kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét thông qua nội dung quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2022, cụ thể như sau:

1. Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2021:

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/ASG ngày 26/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Công ty đã thực hiện việc chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2021 như sau:

STT	Chức danh	Kế hoạch (VNĐ)	Thực chi (VNĐ)
1	Hội đồng quản trị	660.000.000	660.000.000
2	Ban kiểm soát	288.000.000	288.000.000
Tổng		948.000.000	948.000.000

Tổng số tiền quyết toán năm 2021 đề nghị ĐHĐCĐ phê duyệt: 948.000.000 đồng
(Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi tám triệu đồng).



2. Kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022:

2.1. Mức thù lao:

STT	Chức danh	Kế hoạch (VNĐ)
1	Hội đồng quản trị	660.000.000
2	Ban kiểm soát	558.000.000
Tổng		1.218.000.000

Tổng số tiền thù lao kế hoạch năm 2022 đề nghị ĐHĐCĐ phê duyệt: 1.218.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm mười tám triệu đồng).

2.2. Thực hiện chi trả và quyết toán:

- Thực hiện chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS theo quý;
- Trình ĐHĐCĐ phê duyệt quyết toán tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Đức Tính

Số: 06/2022/TTr-HĐQT/ASG

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-HĐQT/ASG ngày 04/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên;

Căn cứ tình hình kinh tế xã hội và đặc điểm ngành năm 2022,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG kính đề nghị ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và nội dung ủy quyền cho Hội đồng quản trị như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	CHỈ TIÊU	TH 2021	KH 2022	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	753.819.108	1.814.756.563	240,7%
	<i>Trong đó:</i> <i>Tổng doanh thu Công ty mẹ</i>	319.868.491	325.529.763	101,8%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	59.445.753	166.150.121	279,5%
	<i>Trong đó:</i> <i>Tổng lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ</i>	73.704.753	60.968.388	82,7%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	34.944.462	129.714.750	371,2%
	<i>Trong đó:</i> <i>Tổng lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ</i>	73.704.753	60.968.388	82,7%
4	Vốn điều lệ	756.538.910	878.719.950	116,2%
5	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	-	15%	-

2. Ủy quyền cho HĐQT:

Để chủ động cho công tác quản trị, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ thông qua nội dung ủy quyền như sau:

- HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua và được toàn quyền quyết định các vấn đề có liên quan.
- HĐQT được toàn quyền quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế xã hội và mục tiêu phát triển của Công ty.
- HĐQT được toàn quyền quyết định việc huy động vốn (đối tượng, hình thức, phương thức và giá trị huy động vốn) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- HĐQT được chủ động lựa chọn thời điểm và tỷ lệ phù hợp (không lớn hơn kế hoạch đã được phê duyệt) chi tạm ứng cổ tức năm 2022 cho cổ đông và báo cáo ĐHĐCĐ trong kỳ họp thường niên năm sau.
- HĐQT có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ các nội dung điều chỉnh trong phiên họp gần nhất.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS;
- Lưu TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Đức Tính



Số: 13/2022/TTr-HĐQT/ASG

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-HĐQT/ASG ngày 04/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 tại Tờ trình số 06/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐQT/ASG ngày 17/06/2022 của Hội đồng quản trị;

Xét tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

Để đảm bảo có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư, đồng thời nâng cao năng lực tài chính, tạo vị thế cạnh tranh của Công ty, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty.

(Chi tiết tại phương án tăng vốn điều lệ kèm theo Tờ trình này)



Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS;
- Lưu TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Dương Đức Tính



**PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ASG**

(Kèm theo Tờ trình số 13/2022/TTr-HĐQT/ASG ngày 17/06/2022)

I. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết tăng vốn điều lệ

1. Cơ sở pháp lý:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG.

2. Sự cần thiết tăng vốn điều lệ:

- Đảm bảo nguồn vốn đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- + Để đảm bảo và duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững và tiếp tục củng cố nội lực, tạo ra nhân tố đột phá nhằm đưa tốc độ tăng trưởng lên cao trong giai đoạn các năm tiếp theo, Công ty cần phải tăng vốn điều lệ để nâng cao năng lực tài chính.
- + Hoạt động đầu tư đảm bảo cho Công ty phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu. Do đó, để thực hiện được nhiệm vụ HĐQT đã đề ra, Công ty cần thiết phải có nguồn lực tài chính đáp ứng nhu cầu đầu tư.
- + Mở rộng quy mô hoạt động của Công ty, tạo hình ảnh, thu hút được nhiều đối tác, khách hàng lớn, tăng cường năng lực cạnh tranh cho Công ty trong hoạt động kinh doanh.

- Nâng cao năng lực tài chính, tỷ lệ an toàn vốn: Việc tăng vốn điều lệ sẽ làm tăng tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản, giảm hệ số nợ/vốn chủ sở hữu, giảm sự lệ thuộc vào nguồn vốn vay, chủ động về tài chính và đảm bảo một cấu trúc tài chính khỏe, giảm thiểu rủi ro.

II. Kế hoạch tăng vốn điều lệ:

1. Số lượng cổ phiếu phát hành:

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu đã phát hành	75.653.891 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.653.891 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP): tối đa 756.540 cổ phiếu tương đương 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành - Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 11.348.083 cổ phiếu tương đương 15% số lượng cổ phiếu đang lưu hành - Phát hành cổ phiếu riêng lẻ: 10.000.000 cổ phiếu

2. Sự thay đổi của vốn điều lệ sau khi phát hành

- Vốn điều lệ trước phát hành : 756.538.910.000 đồng;
- Số vốn điều lệ dự kiến tăng : 221.046.230.000 đồng;
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành : 977.585.140.000 đồng;

3. Hình thức tăng vốn:

- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

4. Phương án phát hành cụ thể:

4.1. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động để triển khai trong năm 2022, tuy nhiên đến nay phương án phát hành chưa được triển khai. HĐQT báo cáo và kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

thông qua việc tiếp tục triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, cụ thể như sau:

Mục đích phát hành: Thu hút và ưu đãi cho các nhân sự có năng lực cống hiến, xây dựng và gắn bó lâu dài với Công ty.

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	Tối đa 756.540 cổ phiếu tương đương 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	7.565.400.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng.)
Hình thức chào bán	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
Đối tượng phát hành	Là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý cấp Phòng/Ban và tương đương của Công ty cổ phần Tập đoàn ASG. Tiêu chí lựa chọn, danh sách và số lượng phát hành cụ thể ủy quyền cho HĐQT quyết định.
Thời gian thực hiện dự kiến	Trong năm 2022 sau khi được ĐHCĐ thông qua phương án phát hành và cơ quan nhà nước chấp thuận. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện.
Phương án sử dụng vốn	Bổ sung vốn đầu tư, kinh doanh của Công ty
Chuyển nhượng quyền mua	Không được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu ESOP
Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 04 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Được chuyển nhượng 30% số lượng cổ phiếu được mua sau thời hạn tròn 02 năm; + Được chuyển nhượng 30% tiếp theo số lượng cổ phiếu được mua sau thời hạn tròn 03 năm;

	+ Được chuyển nhượng 40% số lượng cổ phiếu được mua còn lại sau thời hạn tròn 04 năm.
Phương án xử lý số cổ phiếu từ chối mua	Trường hợp kết thúc đợt chào bán đầu tiên, số lượng cổ phiếu ESOP không được mua hết, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán tiếp với giá 10.000 đồng/cổ phiếu theo thứ tự ưu tiên (i) Thành viên HĐQT; (ii) Thành viên Ban Tổng Giám đốc; (iii) cán bộ quản lý cấp Phòng/Ban và tương đương của Công ty, nhằm đảm bảo đợt phát hành thành công và những nhà đầu tư mua số cổ phần nói trên không được hưởng những điều khoản ưu đãi hơn so với các điều kiện đã chào bán trước đó.
Mua lại cổ phiếu	Trường hợp nhân sự: (i) chấm dứt hợp đồng lao động (trừ trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động do HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều chuyển nhân sự); (ii) bị miễn nhiệm, bãi nhiệm do vi phạm quy định của pháp luật và quy định của Công ty trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, cổ phiếu phát hành ESOP sẽ bị thu hồi theo phương án của Hội đồng quản trị với giá thu hồi là 10.000 đồng/cổ phiếu. Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án thu hồi mua làm cổ phiếu quỹ do nhân sự chấm dứt hợp đồng lao động hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
Đăng lý lưu ký và niêm yết bổ sung	Đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành.

• **Thay đổi vốn điều lệ:**

- Sửa đổi Điều lệ Công ty: Sửa đổi khoản 1 Điều 6: “Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập”, theo quy mô vốn Điều lệ tăng thêm và tổng số cổ phần đang lưu hành trên cơ sở số lượng cổ phần phổ thông thực tế phát hành thành công sau đợt phát hành.
- ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ của Công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện sửa đổi điều lệ của Công ty theo quy mô vốn Điều lệ tăng thêm trên cơ sở số lượng cổ phần phổ thông thực tế phát hành thành

công sau đợt phát hành.

• Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông của CTCP Tập đoàn ASG ủy quyền cho HĐQT Công ty:

- Quyết định thời điểm cụ thể để thực hiện Phương án phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động; chi tiết Phương án sử dụng vốn đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tế kinh doanh của Công ty;
- Hoàn chỉnh các nội dung khác liên quan đến Phương án tăng vốn điều lệ và Phương án sử dụng vốn thu theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước;
- Ban hành Quy chế phát hành để thực hiện phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP);
- Thông qua các tiêu chí lựa chọn cán bộ nhân viên được tham gia mua cổ phần, danh sách và số lượng cổ phần được mua;
- Thực hiện xử lý số cổ phiếu người lao động từ chối mua;
- Thực hiện việc giải tỏa số lượng cổ phiếu ESOP theo quy chế phát hành;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ và các giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến việc điều chỉnh vốn điều lệ mới tăng thêm trên cơ sở số lượng cổ phần thực tế phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung (nếu có) số lượng cổ phần thực tế phát hành sau đợt phát hành;
- Đối với việc mua lại, thu hồi cổ phần của cán bộ nhân viên nghỉ việc: ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc mua lại và thu hồi cổ phần, bao gồm nhưng không giới hạn việc thông qua hình thức, số lượng cổ phần mua lại và thu hồi từng đợt, triển khai thủ tục đăng ký với UBCKNN theo quy định (nếu có);
- Toàn quyền sửa đổi, bổ sung các vấn đề, nội dung trên đây và chủ động quyết định, triển khai thực hiện các công việc khác (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt phát hành thành công.

4.2. Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Số lượng cổ phần dự kiến chào bán	11.348.083 cổ phiếu tương đương 15% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/cổ phần
Hình thức chào bán	Chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Đối tượng chào bán	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm chốt danh sách cổ đông
Tỷ lệ thực hiện quyền	100:15 (Mỗi cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua cổ phần sẽ được quyền mua 15 cổ phần phát hành thêm)
Giá chào bán	15.000 đồng/cổ phiếu
Thời gian dự kiến phát hành	Sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt và UBCK chấp thuận phương án. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm cụ thể.
Chuyển nhượng quyền mua	<p>Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 1 lần duy nhất cho các đối tượng khác.</p> <p>Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa hai bên. Trường hợp chuyển nhượng quyền mua của các cổ đông dẫn đến tỷ lệ sở hữu của bên nhận chuyển nhượng vượt quá quy định về chào mua công khai, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền mua và mua cổ phần của đợt chào bán này không phải thực hiện chào mua công khai cổ phần. Các đối tượng nhận chuyển nhượng quyền mua phải công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu theo quy định liên quan.</p> <p>ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian chuyển nhượng quyền mua cụ thể.</p>
Phương án xử lý cổ phần lẻ và cổ phần từ chối mua (cổ phần còn dư)	- Số cổ phần lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phần không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán,

	<p>Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu), hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cổ đông/nhà đầu tư mua cổ phần còn dư dẫn đến tỷ lệ sở hữu vượt quá quy định về chào mua công khai, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc mua cổ phần còn dư của đợt chào bán này không phải thực hiện chào mua công khai cổ phiếu. Cổ đông/nhà đầu tư mua cổ phiếu còn dư phải công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu theo quy định liên quan. - Việc xử lý cổ phần còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành. - Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phần theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
<p>Hạn chế chuyển nhượng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn bộ số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng; - Số lượng cổ phần lẻ phát sinh và số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển

12/4 M

	nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ).
--	--

• **Mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành:**

Việc phát hành thêm cổ phiếu có thể sẽ gây ra rủi ro pha loãng cổ phiếu của Công ty, bao gồm:

- (i) Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu;
- (ii) Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu sau khi chào bán (EPS);
- (iii) Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách.
- (iv) Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

Tổng số cổ phiếu dự kiến lưu hành trước phát hành cho cổ đông hiện hữu: 75.653.891 cổ phiếu.

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành cho cổ đông hiện hữu: 11.348.083 cổ phiếu.

Tổng số cổ phiếu dự kiến lưu hành sau khi phát hành: 87.001.974 cổ phiếu.

(i) Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu chào bán (“Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền”), giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh theo công thức như sau:

$$P_{tc} = (PR_{t-1} + (I_1 \times PR_1)) / (1 + I_1)$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

PR_1 : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

(ii) Rủi ro pha loãng EPS:

Sau khi chào bán, chỉ số Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS) sẽ thay đổi do tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tăng thêm so với trước khi chào bán.

Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Công thức tính EPS =

$$\frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

- EPS năm 2021 (Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2021) là 794 đồng/cổ phiếu.
- EPS sau khi chào bán:
Trong trường hợp Công ty thực hiện phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu, EPS sau khi pha loãng ước tính như sau:

$$\text{Số cổ phiếu dự kiến lưu hành bình quân} = \frac{75.653.891 \times 12 + 11.348.083 \times 2}{12} = 77.545.238 \text{ cổ phiếu}$$

Giá trị:

- 1) Mức lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ tương tự năm 2021 là 60.065.798.523 đồng.
- 2) Thời điểm hoàn thành đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu dự kiến là đầu tháng 11 năm 2022.

$$\text{EPS năm 2021 sau khi pha loãng} = \frac{60.065.798.523 \text{ đồng}}{77.545.238 \text{ cổ phiếu}} = 775 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Như vậy, EPS sau khi pha loãng có thể giảm từ 794 đồng/cổ phiếu xuống 775 đồng/cổ phiếu.

(iii) Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu:

Do hiện tượng pha loãng cổ phần, giá cổ phiếu có thể thay đổi theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu theo sổ sách kế toán}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành (tại cùng thời điểm)}}$$

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty tính theo giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2021 là 14.354 đồng/cổ phiếu.

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cho cổ đông hiện hữu, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm và ngược lại.

(iv) Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Đối với phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát

hành này,

- **Phương án sử dụng vốn sau khi phát hành**

Với vốn điều lệ mới huy động được từ việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu này, Công ty sẽ đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư các dự án, đầu tư góp vốn vào Công ty con/ Công ty liên kết, bổ sung vốn lưu động. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tính toán cụ thể, quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn, thời gian sử dụng vốn (bao gồm cả việc điều chỉnh phương án) và sử dụng hiệu quả nguồn vốn của Công ty.

Trong trường hợp vốn huy động được sau khi chào bán được sử dụng để đầu tư các dự án, tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện các dự án tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán và Công ty sẽ thực hiện huy động từ các đối tác, các tổ chức tín dụng để bù đắp phần vốn còn thiếu dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án.

- **Thay đổi vốn điều lệ:**

Sửa đổi Điều lệ Công ty: Sửa đổi khoản 1 Điều 6: “Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập”, theo quy mô vốn Điều lệ tăng thêm và tổng số cổ phần đang lưu hành trên cơ sở số lượng cổ phần phổ thông thực tế phát hành thành công sau đợt phát hành.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ của Công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện sửa đổi điều lệ của Công ty theo quy mô vốn Điều lệ tăng thêm trên cơ sở số lượng cổ phần phổ thông thực tế phát hành thành công sau đợt phát hành.

- **Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung:**

Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phần được phát hành theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- **Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:**

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung và/hoặc phê chuẩn/chấp thuận/thông qua toàn bộ Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu và Phương án sử dụng vốn, phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước; tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn trong các vấn đề sau:

- Quyết định thời điểm cụ thể để thực hiện Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu, thời điểm thực hiện quyền mua cổ phiếu;
- Xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, chủ động điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong trường hợp cần thiết để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh này (nếu có);
- Hoàn chỉnh các nội dung khác liên quan đến Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu và Phương án sử dụng vốn thu được theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền; thời điểm và tiến độ phát hành cổ phiếu tăng vốn sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Quyết định tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư khác để chào bán số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua với cách thức và điều kiện phù hợp nhưng không ưu đãi hơn các điều kiện đã chào bán cho cổ đông hiện hữu;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ và các giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến việc điều chỉnh vốn điều lệ mới tăng thêm trên cơ sở số lượng cổ phần thực tế phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung (nếu có) số lượng cổ phần thực tế phát hành sau đợt phát hành;
- Toàn quyền sửa đổi, bổ sung các vấn đề, nội dung liên quan đến đợt phát hành và chủ động quyết định, triển khai thực hiện các công việc và hồ sơ pháp lý khác (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt phát hành thành công.

4.3 Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Số lượng cổ phần dự kiến chào bán	10.000.000 cổ phiếu
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/cổ phần
Hình thức chào bán	Chào bán riêng lẻ
Giá chào bán	Không thấp hơn 20.000 đồng/cổ phiếu. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức giá cụ thể.

Đối tượng chào bán	<p>+ Chào bán cho dưới 100 Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính đáp ứng được tiêu chuẩn Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được quy định tại Điều 11 Luật chứng khoán 2019.</p> <p>+ Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng tiêu chí, lựa chọn Nhà đầu tư, xây dựng nguyên tắc phân phối cổ phiếu cho Nhà đầu tư đảm bảo quy định pháp luật</p>
Phương án xử lý trong trường hợp Nhà đầu tư không mua hết số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục tìm kiếm và phân phối số lượng cổ phiếu không chào bán hết cho Nhà đầu tư khác phù hợp tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư và mức giá chào bán không thuận lợi hơn so với những Nhà đầu tư đã đăng ký mua cổ phiếu trong thời gian chào bán mà công ty đã thông báo.
Chào mua công khai	Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Nhà đầu tư tham gia đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai trong trường hợp số lượng cổ phiếu mà Nhà đầu tư mua vượt quá quy định về chào mua công khai theo quy định tại điều 35 Luật chứng khoán.
Hạn chế chuyển nhượng	Toàn bộ số cổ phần chào bán cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
Thời gian dự kiến phát hành	Sau khi được ĐHCĐ phê duyệt và UBCK chấp thuận phương án. ĐHCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm cụ thể.

• **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:**

Với vốn điều lệ mới huy động được từ việc chào bán riêng lẻ này, Công ty sẽ đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư các dự án, đầu tư góp vốn vào Công ty con/ Công ty liên kết, bổ sung

Handwritten signature

vốn lưu động. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tính toán cụ thể, quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn, thời gian sử dụng vốn (bao gồm cả việc điều chỉnh phương án) và sử dụng hiệu quả nguồn vốn của Công ty.

Trong trường hợp vốn huy động được sau khi chào bán được sử dụng để đầu tư các dự án và không huy động đủ như dự kiến từ đợt chào bán riêng lẻ này, Công ty sẽ thực hiện huy động từ các đối tác, các tổ chức tín dụng để bù đắp phần vốn còn thiếu dự kiến huy động từ đợt chào bán thực hiện các dự án.

- **Thay đổi vốn điều lệ:**

Sửa đổi Điều lệ Công ty: Sửa đổi khoản 1 Điều 6: "Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập", theo quy mô vốn Điều lệ tăng thêm và tổng số cổ phần đang lưu hành trên cơ sở số lượng cổ phần phổ thông thực tế phát hành thành công sau đợt phát hành.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ của Công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện sửa đổi điều lệ của Công ty theo quy mô vốn Điều lệ tăng thêm trên cơ sở số lượng cổ phần phổ thông thực tế phát hành thành công sau đợt phát hành.

- **Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung:**

Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phần được phát hành theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- **Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:**

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung và/hoặc phê chuẩn/chấp thuận/thông qua toàn bộ Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Phương án sử dụng vốn, phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước; tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn trong các vấn đề sau:

- Quyết định thời điểm chào bán cổ phiếu riêng lẻ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;
- Tìm kiếm và xác định danh sách Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp để thực hiện phân phối cổ phiếu theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua;

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bao gồm việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh phương án, lựa chọn thời điểm phân phối cổ phiếu nhằm đảm bảo việc chào bán cổ phiếu được thực hiện hợp pháp và đúng quy định;
- Xây dựng phương án sử dụng sử dụng vốn chi tiết, chủ động điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong trường hợp cần thiết để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh này (nếu có);
- Quyết định phương án xử lý đối với cổ phiếu chào bán không phân phối hết và trong trường hợp không thu đủ số vốn theo Phương án chào bán theo đúng quy định của Pháp luật;
- Thông qua phương án phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Tiếp tục tìm kiếm và phân phối số lượng cổ phiếu không chào bán hết cho Nhà đầu tư khác phù hợp tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư và mức giá chào bán không thuận lợi hơn so với những Nhà đầu tư đã đăng ký mua cổ phiếu trong thời gian chào bán mà công ty đã thông báo;
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài (nếu có);
- Thực hiện các thủ tục pháp lý sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ và các giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến việc điều chỉnh vốn điều lệ mới tăng thêm trên cơ sở số lượng cổ phiếu thực tế phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung (nếu có) số lượng cổ phần thực tế phát hành sau đợt phát hành;
- Toàn quyền sửa đổi, bổ sung các vấn đề, nội dung liên quan đến đợt phát hành và chủ động quyết định, triển khai thực hiện các công việc và hồ sơ pháp lý khác (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt phát hành thành công.

Số: 09/2022/TT-HĐQT/ASG

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua nội dung sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-HĐQT/ASG ngày 04/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên,

Kể từ ngày 01/03/2022 Luật số 03/2022/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự chính thức có hiệu lực, để đảm bảo các quy định của Điều lệ Công ty tuân thủ các quy định của luật, đồng thời phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi Điều lệ sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

(Dự thảo Điều lệ Công ty kèm theo Tờ trình này)



Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS;
- Lưu TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Đức Tính



MỤC LỤC

PHÂN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17. Thay đổi các quyền	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18



Điều 20.	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 21.	Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 23.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 24.	Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....		26
Điều 25.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 26.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 27.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 28.	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 29.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 31.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	31
Điều 32.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	34
Điều 33.	Người phụ trách quản trị công ty	35
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		36
Điều 34.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	36
Điều 35.	Người điều hành Công ty	36
Điều 36.	Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	37
Điều 37.	Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.....	38
IX. BAN KIỂM SOÁT.....		39
Điều 38.	Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	39
Điều 39.	Ban Kiểm soát.....	39
Điều 40.	Quyền và nghĩa vụ Ban Kiểm soát.....	40
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		42
Điều 41.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	42

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	43
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	44
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	44
XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	45
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	45
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	46
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	46
Điều 46. Năm tài chính	46
Điều 47. Chế độ kế toán.....	46
XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	46
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	46
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	47
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	47
Điều 50. Kiểm toán.....	47
XVI. DẤU CỦA CÔNG TY	47
Điều 51. Dấu của Công ty	47
XVII. GIẢI THẺ CÔNG TY.....	48
Điều 52. Giải thẻ Công ty	48
Điều 53. Thanh lý.....	48
XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	48
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	48
XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	49
Điều 55. Điều lệ Công ty	49
XX. NGÀY HIỆU LỰC.....	49
Điều 56. Ngày hiệu lực	49

PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG thông qua các nội dung sửa đổi theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/ASG ngày 22/06/2022.

Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và bản Điều lệ này.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
 - c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - f. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc;
 - g. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

- h. "Người phụ trách quản trị Công ty" là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán.
 - i. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;
 - k. "Cổ đông sáng lập": là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Công ty;
 - l. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - m. "Cổ phần": vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND (mười nghìn đồng);
 - n. "Cổ phiếu" là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty;
 - o. "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;
 - p. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - q. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - r. "Công ty" là Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;
 - s. "Điều lệ" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
 - t. "Địa bàn kinh doanh" là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài nơi Công ty được tiến hành các hoạt động kinh doanh hợp pháp;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. **Tên Công ty:**
 - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ASG
 - Tên tiếng Anh: ASG CORPORATION
 - Tên viết tắt: ASG.,CORP
2. **Hình thức:** Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. **Trụ sở đăng ký của Công ty là:**
 - Địa chỉ: Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - Điện thoại: 024. 3771 6688 Fax: 024. 3772 8668
 - E-mail: info@asg.net.vn
 - Website: http://asg.net.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG có một (01) người đại diện theo pháp luật.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:
 - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;



- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 4 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là các ngành nghề mà pháp luật không cấm kinh doanh, trong đó tập trung vào lĩnh vực dịch vụ hàng không, dịch vụ logistics, đầu tư hạ tầng và khu công nghiệp...Chi tiết ngành nghề tại Phụ lục 01 đính kèm Điều lệ này.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty:
 - Vốn điều lệ: 756.538.910.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi sáu tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu, chín trăm mười nghìn đồng)
 - Số cổ phần: 75.653.891 cổ phần (Bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm chín mươi một cổ phần).
 - Loại cổ phần:
 - + Cổ phần phổ thông: 75.653.891 cổ phần (Bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm chín mươi một cổ phần).
 - + Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này.
- 4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần (gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi) sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
- 6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
- 7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
- 8. Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm thông qua Điều lệ này, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 02 đính kèm. Phụ lục 02 là một phần của Điều lệ này.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

- 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
- 2. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
- 3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp

chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó theo trung bình lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 03 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) và Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BIDV) công bố tại thời điểm thanh toán và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan và tiền lãi phát sinh theo cách tính lãi suất quy định tại khoản 1 Điều này vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu trong Công ty;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình ;

Handwritten signature

- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
1. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:



Handwritten signature or initials.

- a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- b. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
 - c. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của Công ty;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp của Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Tùy vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính của

Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát khi Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;
 - c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành

hợp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ như sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất kỳ gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - m. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty, nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.



2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông


1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo

mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu giấy ủy quyền;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội



đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chi Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp hoặc theo Quy chế làm việc do Đại hội đồng cổ đông quy định trong từng thời kỳ. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
7. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
8. Chủ tọa đại hội có thể hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
 - c. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
14. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Thông qua định hướng phát triển công ty;
 - b) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - c) Tổ chức lại, giải thể công ty.
3. Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp thì:
 - a) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:
 - Loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất kỳ gần nhất của Công ty;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty,



Handwritten signature or initials.

- b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
4. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày Nghị quyết được thông qua.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông từ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 21 Điều lệ này.
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - f. Các thông tin khác (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 70% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Một cá nhân được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
 - Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của

công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 4. Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
 5. Trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, gây thiệt hại cho Công ty thì thành viên tán thành thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị đó phải liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty. Thành viên phản đối

Nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện nghị quyết, quyết định nói trên.

6. Trừ khi pháp luật và Điều lệ Công ty quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

5 PHAN
15
D. N. 01

- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 30. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng tối đa không quá 05 Công ty;
- 2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Handwritten signature



- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
 - a. Ban Kiểm soát;
 - b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều này có quyền thay thế chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.



5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp bất thường. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối tham dự họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Biểu quyết:
 - a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 Điều 41 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Biểu quyết:
 - a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 Điều 41 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp

đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ban hành nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua Biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Khoản 1 Điều 26 Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Báo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định tiền lương và lợi ích khác. Tiền lương của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị; tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - f. Tuyển dụng lao động;
 - g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực quản lý của Công ty;
 - i. Kiến nghị số lượng, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 37. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất kỳ gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất kỳ gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này,

cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên đề cử tối đa ba (03) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm kiểm soát viên trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170, Điều 171 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - f. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chứng khoán.
 - g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cuộc họp của Ban kiểm soát:
- a. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
 - b. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
3. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:
- a. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
 - b. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
 - c. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất kỳ gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và

được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

- b. Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất kỳ gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
- c. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất kỳ gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ trong giờ làm việc, tại trụ sở chính của Công ty, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông do trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và

Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phần.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phần và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVI. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 51. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người đứng đầu Chi nhánh, Văn phòng đại diện sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.



XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 52. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 20 chương 56 điều đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG nhất trí thông qua theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/ASG ngày 22/06/2022.
2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau, được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên của Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

DƯƠNG ĐỨC TÍNH



PHỤ LỤC 01

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG)

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: - Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hoá; - Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; - Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị hàng không; - Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không; - Dịch vụ cung cấp xăng dầu hàng không.	5223
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa, dịch vụ vận chuyển mặt đất; - Dịch vụ môi giới hàng hải; - Kinh doanh dịch vụ logistic; - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; - Dịch vụ đại lý tàu biển.	5229
4	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: - Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt; - Bốc xếp hàng hóa bằng đường bộ; - Bốc xếp hàng hóa cảng biển; - Bốc xếp hàng hóa cảng sông; - Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không.	5224
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
6	Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận	4931

STT	Tên ngành	Mã ngành
	tải bằng xe buýt)	
7	Chuyển phát Chi tiết: Dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh.	5320
8	Cho thuê xe có động cơ	7710
9	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.	4520
10	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.	4530
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
12	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).	7020
13	Bán buôn đồ uống	4633
14	Bán buôn thực phẩm (trừ gạo, mía đường, đường củ cải...)	4632
15	Bán buôn tổng hợp (trừ thuốc lá, xi gà, sách báo, tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô, dầu đã qua chế biến, gạo, mía đường, đường củ cải...)	4690
16	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

PHỤ LỤC 01

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG)

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: - Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hoá; - Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; - Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị hàng không; - Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không; - Dịch vụ cung cấp xăng dầu hàng không.	5223
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa, dịch vụ vận chuyển mặt đất; - Dịch vụ môi giới hàng hải; - Kinh doanh dịch vụ logistic; - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; - Dịch vụ đại lý tàu biển.	5229
4	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: - Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt; - Bốc xếp hàng hóa bằng đường bộ; - Bốc xếp hàng hóa cảng biển; - Bốc xếp hàng hóa cảng sông; - Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không.	5224
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
6	Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận	4931

STT	Tên ngành	Mã ngành
	tài bằng xe buýt)	
7	Chuyển phát Chi tiết: Dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh.	5320
8	Cho thuê xe có động cơ	7710
9	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.	4520
10	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.	4530
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
12	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).	7020
13	Bán buôn đồ uống	4633
14	Bán buôn thực phẩm (trừ gạo, mía đường, đường củ cải...)	4632
15	Bán buôn tổng hợp (trừ thuốc lá, xì gà, sách báo, tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô, dầu đã qua chế biến, gạo, mía đường, đường củ cải...)	4690
16	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

PHỤ LỤC 02

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG)

STT	Tên cổ đông	CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tổng giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Tên cũ: Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế)	01001110052 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/02/2006	Số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	709.552	7.095.552.000	0,94
2	Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (Tên cũ: Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Hàng không)	0102355611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/08/2007	Tầng 4, Ga hàng hóa ALS, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	3.703.722	37.037.220.000	4,90
3	Công ty TNHH Thương mại quốc tế MIG (Tên cũ: Công ty TNHH Chuyên phát nhanh Quốc tế IPX)	0102356894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/09/2007	Số 180, phố Phó Đức Chính, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	0	0	0



Số: 10/2022/TTr-HĐQT/ASG

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-HĐQT/ASG ngày 04/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên;

Xét tình hình hoạt động của Công ty,

Kể từ ngày 01/03/2022 Luật số 03/2022/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự chính thức có hiệu lực, để đảm bảo các quy định của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ đồng thời phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông



qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi Quy chế sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

(Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty kèm theo Tờ trình này)

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS;
- Lưu TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Dương Đức Tính



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ASG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư Công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-DHĐCĐ/ASG ngày 22 tháng 06 năm 2022,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích

1. Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG được xây dựng căn cứ theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và vận dụng những thông lệ về quản trị và điều hành doanh nghiệp phù hợp với các điều kiện hoạt động của doanh nghiệp.
2. Quy chế nội bộ về quản trị xác định những nguyên tắc cơ bản về tổ chức, quản trị và điều hành các hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG, đảm bảo các hoạt động quản lý, điều hành của Công ty được phối hợp chặt chẽ, khoa học và thống nhất, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ

đồng, của Công ty và hướng tới các thông lệ phù hợp về quản trị điều hành doanh nghiệp.

3. Minh bạch hóa cách thức tổ chức hoạt động về quản trị, điều hành Công ty đối với các Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan được đề cập đến trong Quy chế này.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. "ASG"/"Công ty": Là Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;
2. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty và quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty;
3. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
4. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
5. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
6. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
7. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
8. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ Công ty;
9. "Điều lệ" là Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG, bao gồm mọi sửa đổi được phê chuẩn hợp lệ tại từng thời điểm;
10. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc;

11. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo Quyết định của Hội đồng quản trị;
12. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23, Điều 4, Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
13. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời giữ các chức vụ Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
14. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
15. "Ban Tổng Giám đốc" bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
16. "ĐHĐCĐ" là Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG.
17. "HĐQT" là Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG.
18. "TGD" là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG.
19. "Người có thẩm quyền" là người có quyền quyết định việc thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Công ty phù hợp với quy định tại Quy chế này.
20. "Người phụ trách quản trị Công ty" là người có trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Điều 281, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán.
21. "Ghi âm, ghi hình và lưu trữ điện tử": là việc lưu giữ lại nội dung, diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ dưới dạng các âm thanh, hình ảnh mà kết quả của nó có thể làm tái hiện lại không gian, thời gian, diễn biến xảy ra trong quá khứ của cuộc họp ĐHĐCĐ.
22. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
23. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế.
24. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

- Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp, Điều 15 Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

Điều 5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- Triệu tập ĐHĐCĐ họp thường niên: ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần, trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- HQĐT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ phải tuân thủ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;
 - Theo yêu cầu của Ban kiểm soát khi Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - Số lượng thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty;
 - Số lượng thành viên độc lập HĐQT bị giảm xuống không đảm bảo số lượng quy định tại Điều lệ Công ty.
- HQĐT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- HQĐT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều này.
- HQĐT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan đó.

6. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trường hợp này cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
8. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.
2. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
3. Công ty thực hiện lập danh sách cổ đông và các thủ tục có liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

Điều 7. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu

không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu giấy ủy quyền;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 8. Chương trình và nội dung họp ĐHCĐ

1. Người triệu tập họp ĐHCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp ĐHCĐ từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
4. Người triệu tập họp ĐHCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHCĐ chấp thuận.

Điều 9. Ủy quyền tham dự và cách thức đăng ký dự họp ĐHCĐ

1. Ủy quyền tham dự họp ĐHCĐ:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

- b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty, nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- c. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ:

- a. Đăng ký tham dự trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ: Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo.
- b. Đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ vào ngày tổ chức Đại hội: Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
 - Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông qua định hướng phát triển công ty;
 - b. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - c. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Nguyên tắc chung:
 - Tất cả các báo cáo và tờ trình trình ĐHĐCĐ đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông dự họp.
 - Mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ bằng hình thức sử dụng Thẻ biểu quyết. Mỗi cổ đông/người đại diện ủy quyền của cổ đông được phát 01 Thẻ biểu quyết.
 - Thẻ biểu quyết là phiếu in sẵn theo mẫu của Ban tổ chức ĐHĐCĐ, có đóng dấu của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG, trong đó ghi các thông tin:
 - + Họ tên cổ đông/Người đại diện ủy quyền;
 - + Số đăng ký sở hữu;
 - + Số cổ phần sở hữu/được ủy quyền.
2. Cách biểu quyết:
 - Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung: Bầu Ban kiểm phiếu; Chương trình họp và

Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ, các báo cáo/tờ trình tại Đại hội, Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ.

- Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) đối với từng vấn đề theo trình tự: tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Các cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết thể hiện ý kiến biểu quyết.
- Các thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ có thể thay đổi theo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ tại từng kỳ họp sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu

1. Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách Ban kiểm phiếu sẽ đếm lần lượt số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
2. Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp báo cáo Chủ tọa kết quả của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi kết thúc phiên họp và được ghi vào Biên bản họp ĐHĐCĐ.

Điều 14. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất kỳ gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu

từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
5. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Cách thức phân đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
2. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản

họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
3. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 16. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 17. Công bố biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Các quyền và nghĩa vụ cụ thể của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty, quy chế quản trị nội bộ Công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng

lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- c. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
- f. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị

Điều 21. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 05 người.
- 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
- 3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 22. Cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1 thành viên.
- 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng tối đa không quá 05 Công ty.
 - b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 23. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 70% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên. Danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT phải được gửi về Ban tổ chức Đại hội tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt

cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 26. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 27. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.
2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 28. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 30. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
 - a. Ban Kiểm soát;

- b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Các trường hợp khác (nếu có).
3. Thông báo họp Hội đồng quản trị: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp bất thường. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối tham dự họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:
- a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
 - b. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương

tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt chủ tọa cuộc họp.

- c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
6. Cách thức biểu quyết, thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị:
 - a. Trừ quy định tại Điểm b, khoản 6 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 41 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - e. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
 - f. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ban hành nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản

đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- g. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 31. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 32. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của HĐQT đều phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp, họ và tên các thành viên không dự họp, lý do;
 - e. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua Biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 33. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng theo trình tự quy định tại Quy chế công bố thông tin và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 34. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:
- a. Vi phạm các quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty được quy định tại khoản 3 Điều này gây thiệt hại nghiêm trọng đến Công ty;
 - b. Vi phạm các quy định, quy chế của Công ty hoặc quy định của pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng;
 - c. Lợi dụng vị trí công tác để mưu lợi cá nhân làm ảnh hưởng đến Công ty;
 - d. Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu công việc;
 - e. Không hoàn thành nhiệm vụ do HĐQT giao;
 - f. Làm mất đoàn kết nội bộ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và hình ảnh của Công ty;
 - g. Có đơn từ chức;
 - h. Chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật;
 - i. Mất năng lực hành vi;
 - j. Bị chết hoặc bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
 - k. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

- 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:
Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170, 171 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - f. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chứng khoán.
 - g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:
- a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - d. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 - e. Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c, d, khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
 - f. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 36. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

- 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.
- 2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông, người lao động của Công ty.

4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Điều 38. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên đề cử tối đa ba (03) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 40. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm kiểm soát viên trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng

ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 43. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:
 - a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị; tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - f. Tuyển dụng lao động;
 - g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực quản lý của Công ty;
 - i. Kiến nghị số lượng, thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

3. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 44. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.
3. Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.

Điều 46. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 47. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong

báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 48. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. HĐQT mời các Kiểm soát viên tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT và có thể mời thêm một số thành viên Ban điều hành tham dự.
2. Tại các cuộc họp quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên HĐQT và Ban điều hành tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát.
3. Tại các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành tham dự.
4. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung, chương trình họp kèm theo tài liệu (nếu có) và phải chuyển đến người được mời ít nhất 02 ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Thành viên được mời họp dự thính có thể được tham gia thảo luận ý kiến khi được chủ tọa phiên họp đồng ý, nhưng không có quyền biểu quyết trong cuộc họp.
5. Biên bản, nghị quyết, quyết định cuộc họp được gửi cho các thành viên dự họp (bao gồm cả thành viên họp dự thính) trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 49. Thông báo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Nghị quyết/Quyết định sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 50. Thông báo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết/Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 51. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- a. Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
 - b. Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của thành viên Ban kiểm soát không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
 - c. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản tới HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả
2. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - a. Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ công ty không được thực thi;
 - b. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản tới HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.
 3. Đề nghị triệu tập họp HĐQT phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp HĐQT.

Điều 52. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;

5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 53. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 54. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Yêu cầu phải lập thành văn bản có chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.
2. Khi cần thiết, HĐQT có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng Giám đốc cũng như cán bộ quản lý báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
3. Tổng Giám đốc phải báo cáo HĐQT và Ban kiểm soát các nội dung sau:
 - a. Kết quả thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty; tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư và các chỉ tiêu tài chính đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;
 - b. Trước ngày 31/12 hàng năm hoặc một thời điểm khác do HĐQT quyết định, Tổng Giám đốc trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính đó trên cơ sở đáp ứng yêu cầu của ngân sách cũng như phù hợp kế hoạch tài chính trung và dài hạn;
 - c. Một số báo cáo phát sinh khác theo yêu cầu của HĐQT và Ban kiểm soát.

Điều 55. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi trong công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế khác và kế hoạch hành động chung.
2. Trường hợp cần thiết, các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email..) cho nhau để đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả và thuận lợi.

3. HĐQT tạo điều kiện cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát nêu trên không được để ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.
4. Trong quá trình tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT, nếu phát sinh các quyết định không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay với HĐQT để có các quyết định điều chỉnh kịp thời. Trong trường hợp HĐQT không thực hiện điều chỉnh thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện các quyết định và nghị quyết của HĐQT, tuy nhiên Tổng Giám đốc có quyền bảo lưu những kiến nghị hoặc ý kiến của mình. Tổng Giám đốc cũng có quyền từ chối thực hiện các quyết định và nghị quyết của HĐQT nếu xét thấy trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc với nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này Tổng Giám đốc phải thông báo cho Ban Kiểm soát bằng văn bản, đồng thời chịu trách nhiệm về những trách nhiệm của mình trước pháp luật, ĐHĐCĐ và HĐQT.
5. HĐQT có trách nhiệm giám sát đối với TGD trong việc triển khai thực hiện các quyết định và nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ nhằm đảm bảo tính hiệu lực của các quyết định và nghị quyết. Trong trường hợp phát hiện sai phạm, HĐQT có thể yêu cầu Tổng Giám đốc dừng hoạt động trái với quyết định, nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG VII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 56. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 57. Khen thưởng

Hàng năm, căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quyết định về mức chi thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và ban điều hành, Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ phân phối căn cứ vào kết quả đánh giá và mức độ đóng góp của các thành viên.

Điều 58. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 59. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật, Điều lệ Công ty khác với những điều khoản trong

Quy chế này thì những quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 60. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 09 Chương, 61 Điều được ĐHCĐ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2022 và có hiệu lực thi hành ngay.

Điều 61. Tổ chức thực hiện:

Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Dương Đức Tính



Số: 11/2022/TT-HĐQT/ASG

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-HĐQT/ASG ngày 04/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên,

Kể từ ngày 01/03/2022 Luật số 03/2022/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự chính thức có hiệu lực, để đảm bảo các quy định của Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi Quy chế sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

(Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị kèm theo Tờ trình này)



Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS;
- Lưu TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Đức Tính



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ASG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư Công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/ASG ngày 22 tháng 06 năm 2022,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG, bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

1. “Công ty” là Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;
2. “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

3. “Điều lệ công ty” là Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
4. “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty Cổ Tập đoàn ASG;
5. “Tổng Giám đốc” là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;
6. “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;
7. “Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
8. “Đơn vị” là các Phòng/Ban/Chi nhánh hoặc tương đương của Công ty trực thuộc sự quản lý và điều hành của Ban Tổng Giám đốc theo sự phân công/ủy quyền của Công ty.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết hợp với sự quản lý, điều phối của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về các công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và bảo đảm lợi ích của Công ty.
3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị và cá nhân trong Công ty.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tuân thủ các quy định trong Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát từ 50% vốn điều lệ trở lên với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Số lượng thành viên, thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có thể thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
- b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1 thành viên.
3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cá nhân được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
5. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty; *
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng tối đa không quá 05 công ty;
 - d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty.
- 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng

quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp. Việc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 quy chế này;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu

được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất kỳ gần nhất của Công ty;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch với bên liên quan

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất kỳ gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
 - e. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp trừ trường hợp họp bất thường. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
 - a. Ban Kiểm soát;
 - b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp bất thường. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.
Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; Trong trường hợp này, người được thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 41 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

- e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ban hành nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

- 1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
- 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua Biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
- 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 17. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Hội đồng quản trị, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
3. Việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có thể thông qua hình thức gửi thư điện tử đến địa chỉ thư điện tử của từng thành viên Hội đồng quản trị song song với gửi bản cứng bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên. Các thành viên Hội đồng quản trị phải ký vào phiếu lấy ý kiến và gửi về cho Thư ký Hội đồng quản trị đúng thời hạn quy định. Trường hợp không gửi lại theo quy định thì phiếu lấy ý kiến đó coi như các thành viên đó không tham gia biểu quyết. Ý kiến trả lời qua thư điện tử có giá trị tương đương ý kiến ký bằng văn bản tại thời điểm biểu quyết và được xác nhận lại bằng phiếu ý kiến bằng văn bản có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và

bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

6. Thư ký Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
7. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các vấn đề đã được thông qua;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

8. Biên bản kiểm phiếu kèm nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
10. Nghị quyết/quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết/quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tài chính;
 - d) Các báo cáo khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Báo cáo quy định tại các khoản 1 Điều này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cũng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến

của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG bao gồm 07 chương, 24 điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2022 và có hiệu lực thi hành ngay.
2. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa Quy chế này và các quy định của pháp luật và/hoặc của Điều lệ Công ty thì các quy định của pháp luật và/hoặc của Điều lệ được ưu tiên áp dụng.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị chưa được đề cập trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Dương Đức Tính

Số: 08/2022/TTr-HĐQT/ASG

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023
và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-HĐQT/ASG ngày 04/05/2022 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp;

Xét Đơn từ nhiệm của ông Phạm Văn Hà – Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023;

Xét Đơn từ nhiệm của ông Phạm Xuân Phương – Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023,

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023, cụ thể như sau:

- 1. Thông qua nội dung miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023**
Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023 đối với ông (bà) có tên sau:

Ông Phạm Văn Hà

Sinh ngày: 31/03/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Căn cước công dân số 040078000290 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 19/09/2017

- 2. Thông qua nội dung miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023**

- 2.1. Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát:**

Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 với ông (bà) có tên sau đây:



Ông Phạm Xuân Phương

Sinh ngày: 26/01/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Căn cước công dân số: 011996835 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/07/2011

2.2. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023

a. **Số lượng thành viên Ban kiểm soát dự kiến được bầu bổ sung:** 01 thành viên,

b. **Tiêu chuẩn và điều kiện đối với các ứng viên:**

Ứng viên bầu thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động của Công ty;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không được làm thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TK HĐQT.



Dương Đức Tính



Số: 12/2022/TTr-HĐQT/ASG

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua danh sách nhân sự
tham gia bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG;

Căn cứ Thông báo số 01/2022/TB-HĐQT/ASG ngày 31/05/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG về việc ứng cử, đề cử nhân sự bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ kết quả ứng cử, đề cử bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018–2023

Công ty nhận được từ các cổ đông/nhóm cổ đông tính đến ngày 10/06/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐQT/ASG ngày 17/06/2022 của Hội đồng quản trị,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách nhân sự tham gia bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023, cụ thể:

Bà: Nguyễn Thị Lê Hằng

Sinh ngày: 22/05/1965

CCCD số: 001165015723 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 19/07/2019

Hộ khẩu thường trú: Tổ 5, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Trình độ: Cử nhân kế toán

(Chi tiết thông tin ứng cử viên tại bản sơ yếu lý lịch đính kèm tờ trình này)

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Dương Đức Tính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ LÊ HẰNG**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 1965
- Số CMND/Hộ chiếu/CCCD: 001165015723 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 19/07/2019.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 5, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1986 - 1994	Công ty Năm Hà Nội	Kế toán viên
1995 - 1999	Công ty CP Cung ứng dịch vụ Hàng Không	Kế toán tổng hợp
1999 - 2006	Công ty CP Cung ứng dịch vụ Hàng Không	Phó phòng Tài chính – Kế toán
2007 - 2010	Công ty CP Cung ứng dịch vụ Hàng Không	Kế toán trưởng
2011 - 2012	Công ty CP Cung ứng dịch vụ Hàng Không	Chuyên viên



lưu

2013 – 31/05/2022	CTCP Tập đoàn ASG	Kế toán trưởng
2019 – đến nay	CTCP Logistics ASG	Trưởng Ban Kiểm soát
2016 – 02/2017	CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	Thành viên Ban Kiểm soát
03/2017 – đến nay	CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	Trưởng Ban Kiểm soát
2020 – đến nay	Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	Thành viên HĐQT
2020 – đến nay	Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG	Kiểm soát viên

- Chức vụ hiện nay tại ASG: Không
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - (1) Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh.
 - (2) Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Logistics ASG.
 - (3) Thành viên HĐQT Công ty TNHH Dịch vụ mặt đất Hàng không.
 - (4) Kiểm soát viên Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển khu công nghiệp ASG.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu:
 - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: Không
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 36.771 cổ phần tương ứng 0.05%
- Số cổ phần ASG của người có liên quan:

Tên cá nhân/ Tổ chức	Quan hệ/ Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ % CP sở hữu/ VDI
Nguyễn Anh Tùng	Con rể	13.418	0.02

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 6 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)



NGUYỄN THỊ LÊ HÀNG

